

MỐI LIÊN HỆ VỚI TRƯỜNG HỌC VÀ VIỆC HỌC CỦA HỌC SINH - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC

TRỊNH THỊ LINH

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: anhlinh_huong@yahoo.com

Tóm tắt: Tìm hiểu mối liên hệ của học sinh với môi trường học đường và việc học của các em là một khía cạnh đã được nghiên cứu khá nhiều trên thế giới. Kết quả nghiên cứu được thực hiện trên 673 học sinh trường trung học cơ sở tại Hà Nội ở những khía cạnh về: Việc huy động các nguồn lực con người cũng như vật chất trong việc học ở trường; quan niệm về tầm quan trọng của thành tích học tập ở trường và việc hoàn thành bài tập về nhà; giữa tỉ lệ bài tập về nhà được hoàn thành và bằng cấp học sinh mong muốn đạt được. Qua đó, việc giao bài tập về nhà giúp học sinh đào sâu và nâng cao kiến thức đã học, hiểu hơn ý nghĩa và giá trị của việc học.

Từ khóa: Mối liên hệ; trường học; học sinh; tâm lý học; quá trình học.

(Nhận bài ngày 31/7/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 07/9/2017; Duyệt đăng ngày 25/10/2017).

1. Đặt vấn đề

Sau khi Việt Nam giành độc lập vào năm 1945, tuy đất nước phải đối diện với nhiều khó khăn, thử thách nhưng Đảng và Nhà nước ta luôn xác định việc học là một vấn đề quan trọng. Vì vậy, việc xóa nạn mù chữ cũng là một nhiệm vụ quan trọng so với nhiệm vụ chống lại nạn đói và nạn ngoại xâm. Với truyền thống hiếu học, người Việt tích cực tham gia các lớp bình dân học vụ. Chỉ sau một năm, đã có gần 2,5 triệu người dân được xóa mù chữ. Ngày nay, việc học của học sinh (HS) đã có nhiều thay đổi. Để có được kết quả học tập (KQHT) tốt, HS phải dành nhiều thời gian cho việc học. HS phải tham gia các lớp học thêm ngoài giờ để củng cố, bổ sung cũng như nâng cao kiến thức cho bản thân. Do đó, khối lượng bài tập về nhà (BTVN) mà các em phải làm tăng lên rất nhiều. HS phải huy động tất cả sức lực, thể chất và tinh thần để đáp ứng lại các buổi học này. Tất nhiên, cần lưu ý rằng trong số này có những em đi học vì thực sự mong muốn cuộc sống sau này sẽ tốt đẹp hơn nhờ kiến thức tích lũy được; song cũng có những em đơn thuần đi học vì áp lực từ môi trường xung quanh hay để "không thua kém bạn bè".

Khi bàn đến tính hiệu quả về việc học của HS ở trường, nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới đều đồng thuận rằng cần phải nhìn nhận nó trong mối liên hệ của HS với chính môi trường học đường mà HS trải nghiệm. Theo Charlot và cộng sự (1992), mối liên hệ với trường học chính là "một mối liên hệ về mặt ý nghĩa và giá trị giữa một cá nhân (hay một nhóm) với nhà trường"[1]. Vấn đề đặt ra là: Liệu có phải HS đến trường để tích lũy kiến thức (giá trị của trường học) nhằm phục vụ tốt hơn cho tương lai của trẻ hay đơn thuần các em đến trường chỉ để đáp ứng lại một "áp lực" vô hình nào đó hoặc kết thân bạn bè (giá trị về mặt xã hội)? Chúng tôi đồng tình với quan điểm của Prêteur và cộng sự (2004): Mối liên hệ với trường học được hiểu là những mối liên hệ mà

mỗi cá nhân thiết lập và trải nghiệm với nhà trường cũng như với các chủ thể của đơn vị này (giáo viên (GV), bạn học cùng lớp...) [2]. Theo đó, chúng tôi thao tác hóa khái niệm này ở các bình diện sau: Đánh giá của HS về sự huy động nguồn lực con người và vật chất trong quá trình học; quan niệm của HS về tầm quan trọng của trường học; mục tiêu hay kế hoạch HS mong muốn thực hiện thông qua việc mong ước đạt được bằng cấp ở trình độ nào... Chúng tôi cho rằng tất cả các bình diện này đều ít nhiều có mối liên hệ có ý nghĩa với việc học của HS. Do vậy, việc nắm bắt được những khía cạnh này sẽ góp phần giúp chúng ta xây dựng được môi trường học đường an toàn cho HS và nâng cao chất lượng đời sống học đường của các em.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Quá trình thu thập số liệu được chúng tôi thực hiện ngay tại lớp học. Tất cả các bảng hỏi thu về được tinh lọc và xử lý bằng phần mềm SPSS, phiên bản 16.0.

Số lượng khách thể của đề tài bao gồm 673 HS trung học cơ sở tại Hà Nội, độ tuổi từ 13 đến 15 tuổi. Đặc điểm của mẫu khách thể nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1 : Đặc điểm của mẫu khách thể nghiên cứu

Tiêu chí		SL	%
Giới tính	Nam	327	48,59
	Nữ	346	51,41
Tuổi	13	220	32,69
	14	235	34,92
	15	218	32,39



Học lực	Yếu-Kém	42	6,24
	Trung bình	103	15,30
	Khá	225	33,43
	Giỏi	264	39,24
	Xuất sắc	39	5,79
Tình trạng học tập (HT)	Chưa lưu ban bao giờ	660	98,07
	Đã từng lưu ban ít nhất 1 lần	13	1,93

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. *Đánh giá của học sinh về việc huy động các nguồn lực con người cũng như vật chất trong việc học ở trường*

Để tìm hiểu mối liên hệ của HS với trường học, đặc biệt là khi các em gặp khó khăn trong quá trình HT, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi "Khi em không hiểu điều gì đó hoặc khi em gặp khó khăn trong lớp học (trong khi làm BTVN), em thường làm gì?". Kết quả phân tích số liệu được trình bày trong Bảng 2.

Chúng tôi nhận thấy rằng, khi HS gặp khó khăn trên lớp học (hoặc khi làm BTVN), các em chủ yếu dựa vào nguồn lực là "tài liệu" (vở ghi chép trên lớp, sách giáo khoa,...) với ĐTB là 3,37. Bạn bè cũng được các em lựa chọn như là nguồn lực chính khi gặp khó khăn trong việc học với ĐTB là 3.16. Việc "trao đổi với GV để tìm lời giải thích" không nhận được nhiều sự đồng thuận của HS (ĐTB là 2.65). Kết quả này hoàn toàn tương đồng với số liệu mà chúng tôi thu được cho item "em luôn sợ đặt câu hỏi cho GV" mà chúng tôi đưa ra trong bảng hỏi khảo sát. Với item này, kết quả khảo sát ghi 24.6% HS được hỏi cho biết các em "hoàn toàn đồng ý". Nói cách khác, có tới gần 1/4 khách thể thể nghiệm cứu cho biết các em không dám chủ động gặp GV để giải đáp những thắc mắc trong quá trình theo học tại trường. Mặc dù vậy, kết quả phân tích bảng chéo (crosstabs) không cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa trải nghiệm học đường này và thành tích HT của các em ($O^2 = 59,758$; $ddl = 55$; $p > 0,1$). 4/6 HS được hỏi cho biết các em "không biết tại sao lại sợ đặt câu hỏi cho GV". Song các em cũng khẳng

định rằng việc "sợ đặt câu hỏi" và việc lĩnh hội tri thức "không liên quan" với nhau. Các em "chỉ sợ đặt câu hỏi thôi, còn thì em vẫn thích các giờ học của thầy, cô". Có lẽ vì thế mà theo sự nhìn nhận của HS, việc "sợ đặt câu hỏi cho GV" không có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với thành tích HT. Chúng tôi nghĩ rằng việc HS "sợ đặt câu hỏi" thực sự là một rào cản trong việc tiếp cận tri thức đối với các em. Bởi lẽ, trong tâm thế người học, nếu HS có thể thoải mái trao đổi với GV về mặt học thuật thì khả năng nắm bắt tri thức của các em sẽ đạt được đến chiều sâu. Ngược lại, việc tiếp thu, lĩnh hội một chiều theo kiểu "truyền giảng" sẽ có thể gây ảnh hưởng không tốt đến sự chủ động, tích cực của các em trong quá trình học.

Vậy, theo sự nhìn nhận của các em, điều gì ảnh hưởng đến thành tích HT? Kết quả phân tích số liệu cho thấy rằng chỉ có duy nhất yếu tố "lưu ban" là có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với thành tích HT của HS ở trường ($O^2 = 31,609$; $ddl = 5$; $p < 0,001$). Mặc dù chỉ có 13 HS trên tổng số 673 HS được hỏi cho biết đã từng lưu ban ít nhất một lần nhưng phép kiểm định Chi bình phương này cũng cho thấy rằng "lưu ban" được HS nhìn nhận như một trải nghiệm học đường tiêu cực, có thể đưa đến tình trạng các em không có hoặc có rất ít động lực để HT và ứng xử như các em chẳng có gì nhiều để phải cố gắng trong việc cải thiện thành tích HT của mình. Điều này đã được Martinot (2001) khẳng định trong công trình nghiên cứu của ông, theo đó, thành công học đường phụ thuộc vào thành công trong quá khứ cũng như sự tự đánh giá bản thân hiện tại của trẻ [3]. Tuy nhiên, phân tích số liệu cũng cho thấy đây là một mối liên hệ tương đối yếu ($Cramer V = 0,219$; $p < 0,001$). Kết quả này đã được khẳng định lại với phép phân tích hồi quy đơn tuyến tính ($t = 4,426$; $p < 0,001$). Như vậy, lưu ban có thể được xem xét như là một yếu tố dự báo cho thành tích HT của trẻ, song cần luôn lưu ý rằng, giá trị của chỉ báo này là rất nhỏ ($R^2 = 0,026$).

2.2.2. *Quan niệm của học sinh về tầm quan trọng của thành tích học tập ở trường và việc hoàn thành bài tập về nhà*

Qua khảo sát số liệu, chúng tôi nhận thấy rằng đa phần HS được hỏi đều khẳng định tầm quan trọng của thành công học đường đối với các em. Cụ thể: 68,7% HS lựa chọn phương án trả lời "quan trọng" và "rất quan trọng" đối với nội dung này. Chỉ có 5,9% cho biết thành công học đường là "không quan trọng" đối với các em. Chúng tôi tự hỏi liệu có mối liên hệ nào giữa ý nghĩa của việc học theo sự nhìn nhận của HS và sự cam kết của các em trong việc học hay không? Kết quả phân tích số liệu cho phép ghi nhận mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa tầm quan trọng của thành tích HT theo đánh giá của HS và tỉ lệ BTVN được các em hoàn thành: $O^2 = 62,326$; $ddl = 12$; $p < 0,001$.

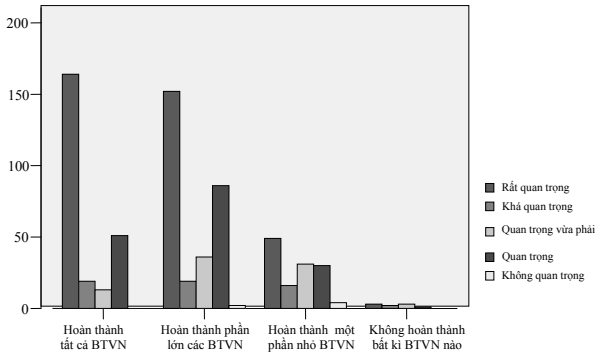
Đặc biệt, phép phân tích bảng chéo

Bảng 2: *Trải nghiệm của HS khi gặp khó khăn trong việc học*

	SL	ĐTB	1	2	3	4
a) Em không làm được bài	662	2,53	19,8	22,3	35,6	17,4
b) Em nhờ bạn bè giải thích cho em	675	3,16	5,9	8,3	47,0	35,8
c) Em trao đổi với GV để tìm lời giải thích	669	2,65	17,0	21,0	36,5	21,7
d) Em đọc lại vở ghi chép hoặc tham khảo thêm sách vở	678	3,37	4,5	6,6	34,8	51,6
e) Em dừng làm việc ngay lập tức	670	1,53	61,8	21,3	9,6	3,6
f) Em tiếp tục làm ngay cả khi em không hiểu bài	669	1,59	59,3	21,1	11,4	4,3

(Chú thích: 1 = "hoàn toàn sai"; 2 = "Sai nhiều hơn đúng"; 3 = "Đúng nhiều hơn sai"; 4 = « hoàn toàn đúng»).

cho thấy rằng không một HS nào trong nhóm khách thể được hỏi quan niệm rằng việc học là "không quan trọng" lại có thể hoàn thành tất cả các BTVN. Ngược lại, HS càng coi trọng thành tích HT thì càng cố gắng để hoàn thành BTVN ở mức tối đa. Số liệu trong Hình 1 minh chứng rõ hơn cho kết quả nghiên cứu này:



Hình 1: So sánh tầm quan trọng của thành tích HT và việc làm BTVN

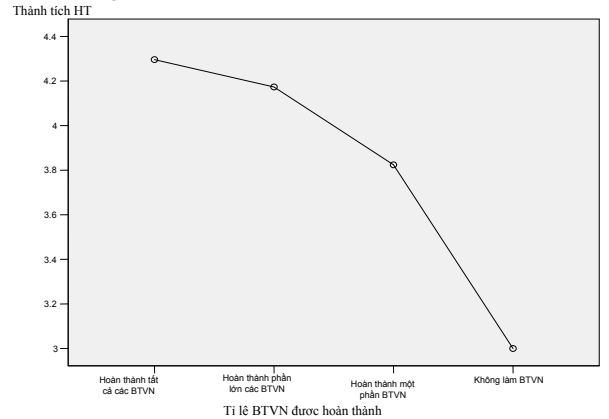
Như vậy, thành tích HT mang lại cho HS một ý nghĩa tích cực trong việc thực hiện các BTVN. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với những gì mà các công trình nghiên cứu trước đây đã chỉ ra [4], [5]. Theo đó, sự nỗ lực cố gắng trong việc làm BTVN của HS bị ảnh hưởng bởi niềm tin của các em về giá trị của việc học.

Tương tự, chúng tôi cũng nhận thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa tầm quan trọng của thành công học đường theo sự nhìn nhận của HS và việc làm thêm các bài tập khác. Cụ thể: HS càng đánh giá cao tầm quan trọng của KQHT thì càng tự giao thêm cho mình nhiều bài tập khác để củng cố và nâng cao kiến thức của mình ($O^2 = 49,426$; $ddl = 16$; $p < 0,001$). Chúng tôi cho rằng điều này là dễ hiểu bởi lẽ khi HS ý thức được tầm quan trọng của việc học thì khát khao chiếm lĩnh tri thức của các em rất lớn, sự đầu tư cho việc học cũng được chú trọng hơn.

Bên cạnh đó, với giả định rằng cách nhìn nhận của bố mẹ về tầm quan trọng của thành công học đường cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới việc học của trẻ, chúng tôi đã yêu cầu HS tự ước lượng tầm quan trọng của thành công học đường theo quan điểm của bố mẹ. Kết quả kiểm định Chi bình phương cho thấy tồn tại mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa quan niệm của HS về thành công học đường cũng như mức độ quan trọng của thành tích này mà các em gán cho bố mẹ của mình ($O^2 = 52,776$; $ddl = 16$; $p < 0,001$). Nói cách khác, HS càng cho rằng bố mẹ rất coi trọng việc học của các em thì HS càng để cao tầm quan trọng của thành công học đường. Theo đó, trẻ càng cam kết trong hoạt động HT của bản thân. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, đây chỉ là một mối liên hệ tương đối yếu, cần có các nghiên cứu tiếp theo trên nhóm khách thể là HS Việt Nam để có thể khẳng định chắc chắn điều này ($Cramer V = 0,163$; $p < 0,001$).

Câu hỏi đặt ra là tỉ lệ BTVN được hoàn thành có mối liên hệ như thế nào với thành tích HT của trẻ? Để trả lời

cho câu hỏi này, phép phân tích phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA) đã được thực hiện. Kết quả được thể hiện trong Hình 2.



(Chú thích : 3=khá ; 4=giỏi ; 5=xuất sắc)

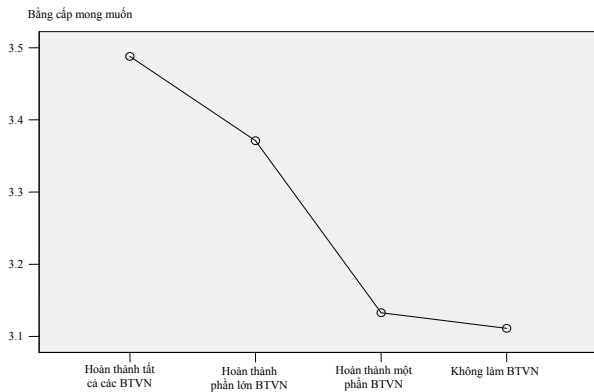
Hình 2: So sánh ĐTB giữa thành tích HT và tỉ lệ BTVN được hoàn thành

Quan sát Hình 2 chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, tỉ lệ BTVN được hoàn thành càng nhiều thì thành tích HT càng cao. Kết quả phân tích phương sai ANOVA đã khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tỉ lệ BTVN được hoàn thành và thành tích HT mà HS đạt được ($F(3)=6,939$; $p < 0,001$). Theo đó, trẻ càng hoàn thành được nhiều BTVN thì các em càng đạt được KQHT cao, đồng thời các em cũng có thái độ tích cực đối với việc giao BTVN. Công trình nghiên cứu của Glasman (2004) đã khẳng định: *Chính sức lao động đảm bảo cho thành công học đường*. Song đây không phải là một mối liên hệ mang tính cơ học. Bởi vì các số liệu thực tế thu được về hiệu quả của việc làm BTVN cũng còn nhiều ý kiến trái chiều. Một số nghiên cứu cho thấy rằng BTVN có ý nghĩa tích cực đối với việc học của trẻ trong khi một số nghiên cứu khác lại không chứng minh được điều này (nhất là đối với trẻ trong độ tuổi tiểu học). Vì vậy, chúng tôi cho rằng "thời gian lao động" chỉ là hình thức bề ngoài. Điều quan trọng là thông qua việc hoàn thành các BTVN đó mà trẻ mong muốn tích lũy, củng cố và nâng cao kiến thức cho chính bản thân mình. Nói cách khác, đây chính là tầm quan trọng của ý nghĩa mà trẻ gán cho việc học của mình.

2.2.3. So sánh điểm trung bình giữa tỉ lệ bài tập về nhà được hoàn thành và bằng cấp mà học sinh mong muốn đạt được

Dựa trên câu trả lời của HS, chúng tôi cũng ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tỉ lệ BTVN được hoàn thành và bằng cấp mà các em muốn đạt được sau này ($F(3)=3,508$; $p < 0,05$).

Số liệu ở Hình 3 cho thấy, những HS hoàn thành càng nhiều BTVN cho biết các em càng mong muốn có được bằng cấp cao sau này. Chúng tôi nhận thấy rằng điều này hoàn toàn phù hợp với mô hình kì vọng - giá trị của động cơ mà các nghiên cứu trước đã đưa ra [6],



(Chú thích : 3=bảng đại học ; 4=bảng sau đại học)

Hình 3: So sánh ĐTB giữa bảng cấp mong muốn đạt được và việc hoàn thành BTVN

[7]. Mục tiêu càng quan trọng thì giá trị của nó càng lớn trong động cơ của mỗi người. Không có một mục tiêu quan trọng, cá nhân không có lí do để hành động. Nói một cách khác, mức độ bằng cấp mong muốn đạt được càng cao bao nhiêu thì sự cam kết của HS trong việc học càng cao bấy nhiêu. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, việc trẻ không hoàn thành BTVN không có nghĩa là các em không muốn có được tấm bằng đại học sau này.

3. Kết luận

Trong những năm gần đây, chúng ta đề cập rất nhiều đến việc có nên giao BTVN cho HS hay không? Việc giao BTVN có làm cho HS quá tải, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của các em không?... Với kết quả nghiên cứu đề cập trong bài viết, chúng tôi cho rằng việc giao BTVN cho HS là cần thiết. Chính thông qua BTVN, HS có thêm cơ hội để đào sâu và nâng cao kiến thức được học. Qua đó, các em cũng hiểu hơn ý nghĩa và giá trị của việc học. Điều này hoàn toàn có ý nghĩa tích

cực cho cuộc sống nghề nghiệp của các em sau này. Vấn đề cần lưu ý là dung lượng BTVN như thế nào cho phù hợp với tình trạng thể chất cũng như tinh thần của HS. Và quan trọng hơn là cách chúng ta lí giải cho việc cần phải hoàn thành các BTVN này. Thiết nghĩ những công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa, trên một nhóm khách thể lớn hơn sẽ có thể đưa lại những kiến nghị xác đáng hơn nữa cho nền giáo dục hiện tại của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Charlot, B., et al., (1992), *Ecole et savoir dans les banlieues... et ailleurs*, Paris: Armand Colin.

[2]. Prêteurs, Y., Constans, S., & Féchant, H., (2004), *Rapport au savoir et (dé)mobilisation scolaire chez des collégiens de troisième*, *Pratiques Psychologiques*, 10, 2, p. 119-132.

[3]. Martinot, D., (2001), *Connaissance de soi et estime de soi: ingrédients pour la réussite scolaire*, *Revue des sciences de l'éducation*, vol 27, n°3, p. 483-502.

[4]. Bandura, A. (1998), *Self-efficacy: The exercise of control*, New York, NY: Freeman.

[5]. Pintrich, P. R., (2003), *A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts*, *Journal of Educational Psychology*, 95, p. 667-686.

[6]. Eccles, J. S., (1983), *Expectancies, values, and academic choice: Origins and changes*, In J. Spence (Ed.), *Achievement and achievement motivation* (pp. 87-134), San Francisco, CA: Freeman.

[7]. Eccles, J. S., & Wigfield, A., (2002), *Motivational beliefs, values, and goals*, *Annual Review of Psychology*, 53, p. 109-132.

[8]. Cooper, H., (2001), *The battle over homework. Common ground for administrators, teachers, and parents*, Thousand Oaks, CA: Sage.

RELATIONSHIP TO SCHOOLS AND STUDENTS' LEARNING - A VIEWPOINT FROM PSYCHOLOGY

TRINH THI LINH

University of Social Sciences and Humanities - VNU, Hanoi

Email: anhlinh_huong@yahoo.com

Abstract: Knowing about students' relationship to their school environment and learning is an aspect with extensive researches in the world. This research findings were conducted on 351 students at secondary schools in Hanoi in terms of: mobilizing human resources as well as material resources in school learning; viewpoint of the importance of school achievement and homework completion; rate of homework completion and the desired students' degree. Then, assigning homework helps students deepen and improve their knowledge, better understand the meaning and value of learning.

Keywords: Relationship; school; students; Psychology; learning process.